

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phạm Tuấn

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 536/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021; Các quyết định hoãn phiên tòa số: 459/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2021 và số: 541/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978; Địa chỉ: 80/4A/28B khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Bà Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 80/4A/28B khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN;

Địa chỉ liên lạc: Số 121 đường Nguyễn Văn Tiên, khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn ông T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Nguyễn Thanh T) và bà Lê Thị Ngọc Q sống chung với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TB, huyện V, tỉnh ĐN và được UBND xã TB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 037, quyển số 01/2010 ngày 26/5/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp

nhau, vợ tôi có người đàn ông khác bên ngoài không chăm lo cho gia đình, vợ chồng nhiều lần ngồi lại nói chuyện nhưng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc Q.

- Về con chung: Tôi (Nguyễn Thanh T) và bà Lê Thị Ngọc Q có 01 con chung tên Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 05/10/2010. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao cháu T1 cho tôi (T) chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi làm nghề tự do mua bán Gà tại Chợ HA, phường HA, thành phố BH, thu nhập khoảng 20.000.000đ/tháng (Hai mươi triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con. Tôi (T) và cháu T1 đang ở nhà mẹ ruột của tôi tại địa chỉ: 80/4A/28B khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN đảm bảo chỗ ở cho con. Cháu T1 hiện đang học Lớp 5/7 tại Trường Tiểu học TP, thành phố BH.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết;

\* *Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các bản khai có tại hồ sơ bị đơn bà Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Lê Thị Ngọc Q) và ông Nguyễn Thanh T sống chung với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã TB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 037, quyền số 01/2010 ngày 26/5/2010. Còn mâu thuẫn vợ chồng ông T nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai là không đúng vì vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Ông T nói tôi ngoại tình với người đàn ông khác bên ngoài là không có cơ sở, ông T nói tôi ngoại tình thì ông T phải cung cấp chứng cứ chứng minh. Nay ông T có đơn khởi kiện xin ly hôn với tôi (Q) thì tôi (Q) đồng ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: Tôi (Lê Thị Ngọc Q) và ông Nguyễn Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 05/10/2010. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao cháu Thành cho tôi (Q) chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi làm nghề tự do thợ may và bán nước giải khát, thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng (Tám triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con. Hiện tôi thuê nhà trọ tại địa chỉ: Số 121 đường Nguyễn Văn Tiên, khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN đảm bảo chỗ ở cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Q thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung. Còn về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Ông Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1982; Địa chỉ: 80/4A/28B khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN; Địa chỉ liên lạc: Số 121 đường Nguyễn Văn Tiên, khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 15/12/2021, xét đơn của ông Thắng làm hợp lệ nên chấp nhận. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Q Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

#### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Ngọc Q sống chung với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện VC, tỉnh ĐN và được UBND xã TB cấp giấy chứng nhận kết hôn số 037, quyền số 01/2010 ngày 26/5/2010. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa ông T và bà Q được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, ông T kiên quyết đề nghị HĐXX giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Ngọc Q do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 04/6/2021 tại UBND phường TP (Bút lục số 25) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Anh T và chị Q chung sống có mâu thuẫn với nhau, chị Q sống không hoà thuận với bên gia đình nhà chồng, có lớn tiếng cãi vã nhau, chị Q đã bỏ đi một thời gian dài. Anh T tính tình hiền lành, khi có mâu thuẫn anh vẫn tạo điều kiện để chị Q về chung sống nhưng chị Q về rồi lại bỏ đi, không chăm lo cho con chung, để con chung cho chồng và mẹ chồng chăm sóc. Hiện tại anh T và con chung đang sống chung với mẹ ruột anh T tại địa chỉ: 80/4A/28B khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. Nay anh T và chị Q có đơn

xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”; theo biên bản xác minh ngày 21/6/2021 tại Công an phường TP, thành phố BH (Bút lục số 33) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Tại thời điểm xác minh bà Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1982 đăng ký thường trú tại địa phương tại: 80/4A/28B khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN, nhưng hiện nay bà Q đã đi khỏi địa phương, đi đâu, làm gì không xác định được”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp hòa giải để ông T và bà Q đoàn tụ nhưng bà Q đều vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Tại bản tự khai ngày 29/3/2021, bị đơn bà Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T nên HĐXX ghi nhận. HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét xử cho ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc Q.

- Về con chung: Tại bản khai có tại hồ sơ, ông T và bà Q đều đề nghị Tòa án giao con chung tên Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 05/10/2010 cho mỗi người để chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo trình bày của bà Q và ông T nêu trên thì ông T và bà Q đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Ông T thì có nhà và chỗ ở ổn định tại địa chỉ: 80/4A/28B khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN, còn bà Q thì thuê nhà trọ ở tại địa chỉ liên lạc: Số 121 đường Nguyễn Văn Tiên, khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. Cháu T1 hiện đang sống chung với ông T và được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đi học tại Trường tiểu học TP, thành phố BH. Theo bản khai ngày 23/4/2021 của cháu Nguyễn Tiến T1 có tại hồ sơ, nguyện vọng của cháu T1 được sống chung với ba T sau khi ba T và mẹ Q ly hôn, ý chí của cháu T1 là tự nguyện nên ghi nhận. Như đã phân tích trên, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giao cháu Nguyễn Tiến T1 cho ông Thắng chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc Q.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 05/10/2010 cho ông Nguyễn Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Lê Thị Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Ngọc Q không nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0000432 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ông T đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và bị đơn bà Lê Thị Ngọc Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy chứng nhận kết hôn số 037 ngày 26/5/2010);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(Đã ký)

**Nguyễn Phạm Tuân**